

Bản án số: 582/2026/HS-PT

Ngày: 27-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng Hồng Sơn.

2/ Bà Lê Thị Thương Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 427/2026/HSPT ngày 22/5/2026 đối với bị cáo Lưu Thị Minh N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 125/HS-ST ngày 15/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lưu Thị Minh N, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1967 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi thường trú: 40/27/5 T, phường T, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lưu Văn B và bà Trần Thị M; có chồng tên Tiền Tử D và có 01 con sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2025 đến ngày 14/01/2026 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Đã được tổng đạt hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa: Bà Trần Thị Thu H, Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Lưu Thị Minh N. (Có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Lý T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không liên quan đến kháng cáo của bị cáo nên Hội đồng xét xử không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23 tháng 6 năm 2025, Công an Thành phố H phối hợp với Đội quản lý thị trường số C - Chi cục quản lý thị trường Thành phố H kiểm tra tại Cửa hàng T3 địa chỉ A C, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Lưu Thị Minh N làm chủ. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện tại đây có kinh doanh mặt hàng bột ngọt Ajinomoto, không có hóa đơn chứng từ, chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Sau đó, tổ công tác đã lập biên bản làm việc với bà N và tạm giữ 759 bịch bột ngọt giả mang nhãn hiệu Ajinomoto gồm: 240 bịch bột ngọt hiệu Ajinomoto loại 100g/bịch; 56 bịch bột ngọt hiệu Ajinomoto loại 1 kg/bịch; 463 bịch bột ngọt hiệu Ajinomoto loại 454g/bịch. N khai mua số bột ngọt trên của Lý T. Ngày 24 tháng 6 năm 2025, Chi cục quản lý thị trường Thành phố H chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để điều tra theo thẩm quyền.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành mời Lý T về làm việc. Đồng thời, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại địa chỉ: ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An thu giữ: 01 cân loại 02 kg hiệu nhơn hòa; 01 máy ép túi nilon; 01 cái quặng màu xanh; 01 cái thau màu vàng có quai; 02 túi nylon bột ngọt loại 454g thành phẩm có in nhãn hiệu Ajinomoto.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Lý T và Lưu Thị Minh N khai nhận:

Do không có việc làm ổn định nên T nảy sinh ý định sản xuất hàng giả là bột ngọt có nhãn hiệu Ajinomoto để bán kiếm lời. Từ khoảng tháng 4 năm 2025, T mua cân, máy ép nilon, quặng (phễu đồng), thau, mua bột ngọt 25kg nhãn hiệu “hai con tôm” tại Cửa hàng bà B1, địa chỉ I P, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và mua bao bì có in nhãn hiệu Ajinomoto từ người tên là T1 (không rõ lai lịch) tại Quận E. Sau khi có đủ nguyên liệu, T trực tiếp cân, đóng lượng bột ngọt đúng với trọng lượng ghi trên bao bì nhãn hiệu Ajinomoto các loại là 100g; 454g; 1kg rồi cho vào các bao bì tương ứng. Sau đó, T dùng máy ép nylon hàn miệng bao bì, đóng gói vào túi giấy với quy cách 120 bịch loại 100g/01 túi; 40 bịch loại 454g/1 túi; 24 bịch loại 1kg/01 túi. Sau đó, T đến gặp Lưu Thị Minh N và giới thiệu có hàng bột ngọt Ajinomoto “làm lại”, tức là hàng bột ngọt được sản xuất bằng cách sử dụng bột ngọt không nhãn mác rồi tự đóng gói vào bao bì có nhãn mác A, hay còn gọi là “hàng loại 2” và bán rẻ hơn hàng của công ty. Vì mục đích lợi nhuận, N đồng ý và thỏa thuận với Lý Thanh giá mua bán là 6.000đ/ bịch/ 100g; 23.000đ/bịch/454g; 48.000đ/bịch/1kg. Thanh toán bằng tiền mặt hoặc N dùng tài khoản số 107800612109 tại ngân hàng V đứng tên Lưu Thị Minh N trả cho Lý T vào tài khoản số 060291391136 tại Ngân hàng S của T. Khi có nhu cầu N nhắn tin cho T qua tài khoản Zalo có tên “NGOT 100” và T trực tiếp giao hàng đến nhà riêng của N tại quận T để Nguyệt cất giấu. Khi khách mua có nhu cầu, N yêu cầu nhân viên tại cửa

hàng đến nhà vận chuyển bột ngọt giả và giao cho khách hàng. Đối với số hàng do Tổ công tác thực hiện tạm giữ, N khai nhận là hàng giả còn lại chưa kịp tiêu thụ. Từ tháng 04/2025 đến tháng 06/2025, N mua bột ngọt Ajinomoto giả của T 4 lần với tổng số tiền 24.000.000 đồng và thu lợi bất chính khoảng 4.800.000 đồng, T thu lợi bất chính khoảng 2.400.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 8680/KL-KTHS ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

Bản in trên bao bì loại 100g thu giữ của N so với bản in trên bao bì của công ty A1 cung cấp không phải do cùng một chế bản in ra.

Bản in trên bao bì loại 454g thu giữ của N và T so với bản in trên bao bì của công ty A1 cung cấp không phải do cùng một chế bản in ra.

Bản in trên bao bì loại 01kg thu giữ của N so với bản in trên bao bì của công ty A1 cung cấp không phải do cùng một chế bản in ra.

Bản in trên bao bì loại 454g thu giữ của N và T do cùng một chế bản in ra.

Tại bản kết luận giám định 00065/N3.25/TD ngày 13/8/2025, Trung tâm K1 kết luận: Mẫu bột ngọt loại 100g/bịch thu giữ của Lưu Thị Minh N cân giám định không phù hợp với bảng công bố sản phẩm của công ty A1; 03 mẫu bột ngọt loại 01kg, 454g thu giữ của Lưu Thị Minh N và Lý Thanh cần giám định phù hợp với bảng công bố sản phẩm của công ty A1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 240 bịch bột ngọt hiệu Ajinomoto loại 100g/bịch trị giá 1.940.000 đồng; 56 bịch bột ngọt hiệu Ajinomoto loại 1kg/bịch trị giá 3.744.272 đồng; 463 bịch bột ngọt hiệu Ajinomoto loại 454g/bịch trị giá 15.273.907 đồng. Tổng giá trị cần định giá là 20.962.179 đồng. Ngày 08/8/2025, Sở an toàn thực phẩm Thành phố H có văn bản số 683/SATTP-QLHN trả lời như sau: Căn cứ khoản 13 Điều 2 Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội quy định: “Phụ gia thực phẩm là chất được chỉ định đưa vào thực phẩm trong quá trình sản xuất, có hoặc không có giá trị dinh dưỡng nhằm giữ hoặc cải thiện đặc tính của thực phẩm”.

Căn cứ về xác định công thức hóa học theo Điều 1 Thông tư số 18/2010/TT-BYT ngày 20/5/2010 của Bộ Y được ban hành kèm theo Thông tư này: QCVN 4-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phụ gia thực phẩm – Chất điều vị.

Căn cứ về xác định có phải là phụ gia thực phẩm theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y ban hành. Thuộc mã INS 621 Phụ lục 1.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) cái cân loại 02kg hiệu Nhơn Hòa; 01 (một) máy ép túi nilon đạp chân; 01 (một) cái quặng màu xanh; 01 (một) cái thau màu vàng có quai; 2 bịch bột ngọt hiệu Ajinomoto loại 454g/bịch; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V50 Lite 5G, số sê-ri: 10AF3K2A3F00262; Imei khe 1: 863640078168092; Imei khe 2: 863640078168084; 759 (bảy năm chín) bịch bột ngọt nhãn hiệu Ajinomoto các loại (được chứa trong 17 thùng carton, niêm phong có chữ ký của bà Lưu Thị Minh N (đại diện chủ hàng), ông Hồ Hà Quốc H1 (Điều tra viên), ông Lê Thái T2 (đại diện Chi cục quản lý thị trường Thành phố H) và dấu mộc đỏ niêm phong của C); 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 12; Số sê-ri: 23053RN02A; Imei khe 1: 861065061778966, Imei khe 2: 861065061778974; số tiền 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Công ty A1 không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2026/HS-ST ngày 15/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 193; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Minh N 02 (hai) năm tù về tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 03 tháng 10 năm 2025 đến ngày 04 tháng 01 năm 2026.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lưu Thị Minh N cho đến khi bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử phạt bị cáo Lý T, tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2026, bị cáo Lưu Thị Minh N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lưu Thị Minh N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Lưu Thị Minh N về tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lưu Thị Minh N, xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người tiêu dùng, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lưu Thị Minh N như sau: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Lưu Thị Minh N, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo N được hưởng án treo. Bởi lẽ, bị cáo T là người mời chào và trực tiếp giao hàng đến nhà bị cáo N nên bị cáo N có vai trò thụ động; bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên đã khắc phục hậu quả vụ án; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo hiện bị thoái hóa khớp gối, đi lại khó khăn; bị cáo và chồng của bị cáo đã lớn tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo có nhiều đóng góp trong các hoạt động của địa phương; bị cáo đang phải chăm sóc cha mẹ già trên 90 tuổi. Do bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo N được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp như sau: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Luật sư trình bày, nếu có căn cứ thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Minh N về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lưu Thị Minh N vắng mặt, nhưng bị cáo đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo hoãn phiên tòa và tại phiên tòa phúc thẩm có Luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo. Xét, bị cáo vắng mặt nhưng không thuộc trường hợp “Vì lý do bất khả kháng” hay “Do trở ngại khách quan” và sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, nên căn cứ quy

định tại điểm d khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị cáo N.

[2] Lời khai của bị cáo Lưu Thị Minh N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị cáo Lý T, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do có động cơ tư lợi, từ tháng 04/2025 đến tháng 06/2025, bị cáo Lưu Thị Minh N mặc dù biết bột ngọt đóng gói mang nhãn hiệu Ajinomoto do bị cáo Lý Thanh B2 là giả, nhưng vẫn đồng ý mua của T 4 lần với tổng số tiền 24.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/6/2025, N bị bắt quả tang có hành vi cất giữ 759 bịch bột ngọt giả mang nhãn hiệu Ajinomoto để bán lại cho người khác. Theo bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tổng trị giá hàng hoá tương đương hàng thật do bị cáo N buôn bán là 20.962.179 đồng. Quá trình phạm tội, bị cáo Lưu Thị Minh N đã thu lợi bất chính số tiền 4.800.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lưu Thị Minh N về tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, mà còn xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và quyền lợi của người tiêu dùng. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo buôn bán hàng giả 4 lần và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt và đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên được Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà Luật sư đề nghị áp dụng cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận

thấy số tiền 4.800.000 đồng mà bị cáo nộp lại là tiền thu lợi bất chính, không phải là tiền khắc phục hậu quả nên không thuộc trường hợp được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 2 đến 5 năm tù là tội phạm nghiêm trọng nên bị cáo không thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có hành vi buôn bán bột ngọt giả nhãn hiệu Ajinomoto là phụ gia thực phẩm nên không có căn cứ xác định việc chưa gây hậu quả hoặc hậu quả không lớn, do đó bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Minh N:

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo khi lượng hình và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét, mức án 02 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là mức khởi điểm của khung hình phạt và mức án này đã phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên và chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như không chấp nhận lời trình bày của Luật sư về việc đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Minh N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 125/2026/HS-ST ngày 15/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Minh N: 02 (Hai) năm tù về tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 03 tháng 10 năm 2025 đến ngày 04 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (1) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Khu vực 3; | (1) |
| - TAND Khu vực 3; | (1) |
| - THADS TP.HCM | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 3; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Luật sư; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (21) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang